

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2022

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

2. Ông Bùi Đức Minh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXX-ST ngày 09/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST - HNGĐ ngày 23/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Trần Hồng V** – sinh năm 1989;

ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị P** – sinh năm 1994;

ĐKKHKT: Thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

– Người làm chứng: Ông Nguyễn Hữu T - sinh năm 1971 (là bố đẻ của chị P);

Nơi cư trú: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

(Anh V, chị P, ông T đều vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là anh *Trần Hồng V* trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị P tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 17/10/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do đặc thù công việc của anh V không có thời gian cố định, chị P lại không thông cảm cho chồng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng khi anh V bị tai nạn lao động, chị P bỏ chồng con về nhà bố mẹ đẻ tại xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng cũng sống ly thân từ cuối năm 2014 (âm lịch) đến nay, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm lạnh nhạt. Khoảng tháng 9/2016, chị P đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay chưa về nước. Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không có khả năng đoàn tụ, anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị P để anh sớm ổn định cuộc sống. Chị P không cung cấp cho anh địa chỉ ở Đài Loan, nên anh không biết địa chỉ cụ thể của chị P hiện nay ở đâu.

Về quan hệ con chung: Anh và chị Nguyễn Thị P có một con chung là Trần Nguyễn Hà M - sinh ngày 17/5/2013. Hiện con chung đang ở với anh. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về quan hệ tài sản: Anh và chị Nguyễn Thị P không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại các biên bản lấy lời khai đối ông Nguyễn Hữu T – bố đẻ chị P, ông T trình bày:* Anh V, chị P tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Cụ thể nguyên nhân là gì thì ông không rõ, chỉ thấy chị P gọi điện thoại thông báo cho bố mẹ biết việc vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn nên phải làm thủ tục giải quyết ly hôn. Hiện chị P đã đi lao động tại Đài Loan. Ông không biết cụ thể địa chỉ của chị P tại Đài Loan do chị P không nói. Nay anh V xin ly hôn chị P và có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng cho con, ông cũng đồng ý việc vợ chồng anh chị ly hôn, ông đề nghị được nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con. Ông đã được nhận các văn bản của Tòa án cho gia đình ông và gia đình ông cam đoan sẽ thông báo nội

dung văn bản ngay lại cho chị P vì chị P thường xuyên liên lạc với ông quan điện thoại.

Tại đơn đề nghị của cháu Trần Nguyễn Trà M có xác nhận của chính quyền địa phương đề ngày 25/5/2022 trình bày: Cháu biết việc bố xin ly hôn mẹ tại Tòa án cháu có nguyện vọng ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Trần Hồng V được ly hôn chị Nguyễn Thị P, giao con Trần Nguyễn Hà M cho anh V nuôi dưỡng, chấp nhận việc anh V không yêu cầu chị P cấp dưỡng cho con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bị đơn là chị Nguyễn Thị P đang cư trú tại Đài Loan, chị P vẫn liên lạc về gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể nên ông Nguyễn Hữu T - bố đẻ chị P không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An tiến hành lấy lời khai của bố đẻ chị P để xác minh địa chỉ của chị P, tiến hành tổng đạt các văn bản của Tòa án cho ông T, yêu cầu ông thông báo cho chị P các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đến nay chị P vẫn không về tham gia tố tụng, cũng không có văn bản ý kiến gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Nguyên đơn anh Trần Hồng V có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do việc ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa theo quy định Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị P, anh V tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm, chia sẻ được với nhau những khó khăn của cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài sau đó chị P đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2019 đến nay chưa về nước, không ai liên lạc với ai. Ông T - bố đẻ chị P trình bày, chị P có gọi điện thoại thông báo cho ông

bà biết việc mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng và phải giải quyết ly hôn. Chị P không về Việt Nam để làm việc với Tòa án, không gửi văn bản ý kiến trực tiếp của mình về cho Tòa án, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với anh V. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị P, anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho anh V được ly hôn chị P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị P, anh V có một con chung là Trần Nguyễn Hà M - sinh ngày 17/5/2013. Tại biên bản làm việc với ông T, ông T trình bày gia đình ông có nguyện vọng nuôi cháu M và không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con. Xét thấy, chị P không có mặt tại Việt Nam, không có văn bản ủy quyền quyền ủy quyền nuôi con cho ông T, anh V hiện đang sinh sống tại Việt Nam. Do đó cần xử giao con chung Trần Nguyễn Hà M cho anh V nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh V không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị P vắng mặt, chưa có trình bày về tài sản chung, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Trần Hồng V được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Trần Nguyễn Hà M - sinh ngày 17/5/2013 cho anh Trần Hồng V trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh V không yêu cầu chị Nguyễn Thị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị P có quyền thăm nom con chung. Anh V, chị P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4.Về án phí: Anh Trần Hồng V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005198 ngày 18/11/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Dương sự;
- UBND xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Hằng**